



gōng chǎng

工厂

Noun · factory; plant; works

Example Sentences

zhè shì yí gè gōng chǎng
这是一个工厂。

This is a factory.

zhè jiā gōng chǎng cǎi yòng xiān jìn jì shù shēng chǎn xiào lǜ hěn gāo
这家工厂采用先进技术，生产效率很高。

This factory employs advanced technology and has high production efficiency.

nǐ tīng shuō guò nà jiā xīn jiàn de zhì néng gōng chǎng ma
你听说过那家新建的智能工厂吗?

Have you heard about that newly built smart factory?

Trace each character, then write the word on your own.